

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 713/2024/HS-ST

Ngày: 09 /12/2024.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu Thủy.**

Thẩm phán: Bà **Trần Thị Lê Na**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Ngọc Luân**

Bà **Vũ Thị Thanh Nga**

Ông **Vũ Văn Thịnh.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Hùng** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 539/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 539/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Bị cáo: **VŨ THỊ Đ** - sinh năm 1986; Giới tính: Nữ. Nơi ĐKTT: P0705, CT4, khu nhà ở xã hội cho Cán bộ chiến sỹ Bộ C3, tổ dân phố Đ, phường C, quận B, Hà Nội. Chỗ ở: Số nhà B, ngách B, ngõ D, đường C, phường C, quận B, Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Tham gia Đảng phái, đoàn thể: Đảng viên Đ1, đã đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 138-QĐ/UBKTQU Bắc Từ Liêm ngày 18/7/2024. Con ông: Vũ Văn N và con bà: Phạm Thị T; Có chồng: Hoàng Minh Q – sinh năm 1984 (đã ly hôn) Con: Có 03 con; lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 16/11/2023; hiện đang bị tạm giam tại Trại giam S1 - Công an thành phố H, *(Có mặt)*.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phạm Xuân N1 - Công ty L5, Đoàn luật sư H9, *(Có mặt)*.

Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1977; trú tại: P, CT1, khu nhà ở xã hội cho Cán bộ chiến sỹ Bộ C3, tổ dân phố Đ, phường C, quận B, TP. Hà Nội, *(có mặt)*.

2. Chị Phạm Thị K, sinh năm 1986; trú tại: P, CT2, khu nhà ở xã hội cho Cán bộ chiến sỹ Bộ C3, tổ dân phố Đ, phường C, quận B, TP. Hà Nội, *(có mặt)*.

3. Ông Nguyễn Đình Đỗ T1, sinh năm 1975; Trú tại: N, khu đô thị G, phường T, quận H, TP. Hà Nội, *(vắng mặt)*.

4. Chị Đỗ Thị T2, sinh năm 1982; Trú tại: P, CT1, khu nhà ở xã hội cho Cán bộ chiến sỹ Bộ C3, tổ dân phố Đ, phường C, quận B, TP. Hà Nội, *(vắng mặt)*.

5. Chị Đào Thu T3, sinh năm 1990; Trú tại: P, Tòa CT4, khu nhà ở xã hội cho Cán bộ chiến sỹ Bộ C3, tổ dân phố Đ, phường C, quận B, TP. Hà Nội, *(có mặt)*.

6. Chị Hữu Thị Hiền L, sinh năm 1986; Trú tại: P, tầng I, tòa 27A2, Chung cư G, số B P, Phường C, quận B, TP. Hà Nội, *(có mặt)*.

7. Chị Vũ Thị H1, sinh năm 1993; Trú tại: P, tòa CT1, khu nhà ở xã hội cho Cán bộ chiến sỹ Bộ C3, tổ dân phố Đ, phường C, quận B, TP. Hà Nội, *(có mặt)*.

8. Chị Trần Thị X, sinh năm 1991; Trú tại: P, tòa A, chung cư A, phường C, quận B, TP. Hà Nội, *(vắng mặt)*.

9. Chị Đỗ Thu P, sinh năm 1991; Trú tại: P, tòa CT2, chung cư T, phường C, quận B, TP. Hà Nội, *(có mặt)*.

10. Chị Lê Thị Mai P1, sinh năm 1991; Trú tại: Căn hộ B G, tổ dân phố H, Phường C, quận B, TP. Hà Nội, *(có mặt)*.

11. Chị Trần Thị Khánh V, sinh năm 1981; Trú tại: Lô B, TT1, khu đô thị T, phường C, quận B, TP. Hà Nội, *(vắng mặt)*.

12. Chị Triệu Thị H2, sinh năm 1993; Trú tại: căn hộ B A, chung cư A, tổ dân phố H, phường C, quận B, TP. Hà Nội, *(có mặt)*.

13. Chị Bùi Thị T4, sinh năm 1998; Trú tại: Số C ngõ D C, phường C, quận B, TP. Hà Nội, *(có mặt)*.

14. Chị Nguyễn Thị T5, sinh năm 1986; Trú tại: nhà số A, ngách E, ngõ D, đường C, phường C, quận B, TP. Hà Nội, *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Thị Đ nguyên là cán bộ công tác tại Trung đoàn F, Bộ - Bộ C3. Quá trình công tác, Đ bị kỷ luật cảnh cáo ngày 11/8/2022 do đã có hành vi vay mượn tiền của nhiều cá nhân trong và ngoài đơn vị với số lượng tiền rất lớn, không thực hiện đúng cam kết trả nợ dẫn đến có đơn thư tố cáo vào đơn vị. Ngày 15/8/2022, Bộ - Bộ C3 ra Quyết định số 1430/QĐ-K01-P2 xuất ngũ sĩ quan Công an nhân dân đối với Vũ Thị Đ. Sau khi xuất ngũ, Đ sinh hoạt Đảng tại Chi bộ Tổ dân phố Đ, phường C, quận B, Hà Nội.

Khoảng năm 2017, Đ vay của người khác số tiền 7-8 tỷ đồng để góp vốn cùng bà Nguyễn Thị Tường V1 (sinh năm 1975; trú tại số nhà B, ngách C, ngõ A, phố Đ, phường Đ, quận B, Hà Nội) kinh doanh bất động sản. Thời gian đầu, việc làm ăn giữa bà V1 và Đ diễn ra thuận lợi. Tuy nhiên, từ năm 2021 đến cuối năm 2022, do ảnh hưởng của dịch Covid 19 nên việc kinh doanh bất động sản không được thuận lợi, bà V1 và Đ phải bán và cùng nhau chịu lỗ nhà, đất đã đầu tư. Thời gian này, Đỉnh lỗ khoảng 1.300.000.000 đồng. Ngoài ra, Đ còn khoản nợ cả gốc và lãi 1.141.031.818 đồng để mua căn hộ Đỉnh đang ở tại khu nhà ở xã hội cho cán bộ chiến sỹ Bộ C3, phường C, quận B, Hà Nội và phải trả lãi hàng tháng cho Ngân hàng N3. Đ đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của người khác để trả một phần tiền nợ gốc cùng tiền lãi hàng tháng bằng thủ đoạn đưa ra các thông tin gian dối, không có thật, như góp tiền chung vốn với Đ để buôn bán hoa quả với số lượng lớn, bất động sản, ... rồi hứa hẹn sẽ chia lợi nhuận theo từng đợt (mỗi đợt 5,7 hoặc 10 ngày) thường là từ 8% trên tổng số tiền góp vốn (Đỉnh có tham gia kinh doanh hoa quả nhỏ lẻ nhưng lợi nhuận không được số tiền như Đỉnh đã hứa hẹn). Đối với mua bán bất động sản (biệt thự, nhà phân lô), Đ hứa hẹn chia lợi nhuận theo ngày từ 5% đến 25% trên tổng số tiền góp vốn. Khi nào cần lấy vốn về thì chỉ cần báo Đỉnh trước 5 ngày, Đ sẽ hoàn trả. Tuy nhiên, sau khi bị hại tin tưởng đưa tiền, Đ đã sử dụng tiền không như cam kết mà lấy tiền của người này để trả cho người khác và ngân hàng hoặc lấy chính tiền của bị hại để trả cho họ nói là tiền lợi nhuận từ việc góp vốn để các bị hại tiếp tục tin tưởng chuyển tiền cho Đ.

Lợi dụng việc buôn bán hoa quả online trên mạng xã hội Facebook tại khu dân cư và các khu vực xung quanh, Đỉnh chủ động tiếp cận với các bị hại là khách hàng thường xuyên mua hoa quả và người quen biết của Đ rủ tham gia góp vốn đầu tư cùng Đ. Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2022 đến năm 2023, mặc dù Đ đã xuất ngũ nhưng Đ vẫn giới thiệu với bị hại bản thân đang công tác trong ngành Công an và gửi cho bị hại ảnh chụp Giấy chứng minh Công an nhân dân để bị hại tin tưởng chuyển tiền. Đỉnh sử dụng 03 tài khoản để giao dịch nhận và chuyển tiền với bị hại

gồm: 19033406852012 mở tại Ngân hàng T9; 26010000100978 mở tại Ngân hàng B; 0908884586 mở tại Ngân hàng M đều mang tên Vũ Thị Đ.

Bằng thủ đoạn nêu trên, Vũ Thị Đ đã thực hiện 14 vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Vũ Thị Đ đối với bà Nguyễn Thu H:

Khoảng tháng 9/2021, thông qua việc bán hoa quả, Đ quen biết với bà Nguyễn Thu H (sinh năm 1977; trú tại P, CT1, khu nhà ở xã hội cho Cán bộ chiến sỹ Bộ C3, tổ dân phố Đ, phường C, quận B, Hà Nội), là người thường xuyên mua hoa quả của Đ. Quá trình quen biết, ngày 22/9/2021, Đ nhắn tin đặt vấn đề rủ bà H góp vốn buôn bán hoa quả, hứa hẹn sẽ chia lợi nhuận cho bà H theo từng đợt (mỗi đợt 5,7 hoặc 10 ngày), thường là 8% trên tổng số tiền bà H góp vốn, khi cần lấy vốn về thì chỉ cần báo cho Đỉnh trước 5 ngày. Sau đó, để tạo dựng thêm lòng tin và muốn bà H tiếp tục chuyển tiền, Đ đưa ra lý do gian dối như sau: Mặc dù không có việc mua các căn biệt thự, nhà ở, đất chia lô nhưng Đ gọi điện, nhắn tin qua ứng dụng zalo đặt vấn đề rủ bà H góp vốn cho Đ để đầu tư mua bán bất động sản. Đ nói với bà H: Hiện nay, tại Bộ Lệnh T Cảnh vệ nơi Đ đang công tác có một số đồng chí lãnh đạo là cán bộ tiếp cận cấp cao, có nhiều mối quan hệ rộng nên thường xuyên có cơ hội được mua các căn biệt thự, nhà ở, đất chia lô theo dự án với giá ưu đãi, đối ngoại. Nếu gom tiền đầu tư để mua, bán nhanh sẽ được chia lợi nhuận cao. Đồng thời, Đ gửi cho bà H hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (là Giấy chứng nhận mang tên ông Nguyễn Văn T6 (sinh năm 1967; trú tại số nhà B, ngách C, ngõ A (địa chỉ cũ tại số nhà I, ngõ C), đường Đ, phường Đ, quận B, Hà Nội) và bà Nguyễn Thị Tường V1 nói dối là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người khác đang nhờ Đ bán giúp gửi cho bà H để làm tin, mục đích để chứng minh rằng Đỉnh có kinh doanh bất động sản thật và hình ảnh sao kê tài khoản ngân hàng thể hiện người khác cũng đã chuyển tiền cho Đ để góp vốn.

Do biết vợ chồng Đ đều là cán bộ Công an công tác tại Bộ - Bộ C3 và có hoạt động buôn bán hoa quả thật nên từ 22/9/2021 đến 22/6/2022, bà H đã chuyển cho Đ tổng số tiền là 13.332.190.000 đồng thông qua hình thức chuyển tiền từ tài khoản số 19037466043011 mở tại Ngân hàng T9 và tài khoản số 103870209097 mở tại Ngân hàng V3 đều mang tên bà H đến tài khoản số 19033406852012 mở tại Ngân hàng T9 mang tên Đ để góp vốn kinh doanh hoa quả và đầu tư mua bán bất động sản cùng Đ. Đỉnh viết cho bà H 01 giấy cho vay tiền đề ngày 09/01/2022 và 01 giấy vay tiền đề ngày 22/4/2022 thể hiện việc Đ nhận tiền của bà H để kinh doanh.

Sau khi nhận tiền, Đ đã sử dụng chính tiền của bà H và tiền của các bị hại khác (không xác định được, do cùng một thời điểm Đ nhận tiền của nhiều bị hại) chuyển trả cho bà H tổng số tiền là 12.112.035.000 đồng, số tiền còn lại, Đ đưa ra nhiều lý do khác nhau như mẹ ốm, chưa bán được đất chiếm đoạt số tiền **1.220.155.000 đồng** của bà Nguyễn Thu H.

Ngày 14/7/2022, bà H đã gửi đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đề nghị xử lý Vũ Thị Đ theo quy định của pháp luật.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Vũ Thị Đ đối với chị Phạm Thị K:

Khoảng năm 2019, chị Phạm Thị K (sinh năm 1986; trú tại phòng G, CT2, khu nhà ở xã hội cho Cán bộ chiến sỹ Bộ C3, tổ dân phố Đ, phường C, quận B, Hà Nội) quen biết Vũ Thị Đ thông qua việc mua hoa quả và thực phẩm hàng ngày của Đ. Đến tháng 11/2021, Đ chủ động rủ chị K góp tiền kinh doanh hoa quả với số lượng lớn để bán buôn ngắn ngày, một vài ngày bán xong là thu lại tiền gốc (bán buôn hoa quả theo container từ Hà Nội đến thành phố Hồ Chí Minh và xuất khẩu nước ngoài) và kinh doanh buôn bán bất động sản. Đ nói với chị K rằng cả vợ chồng Đ đều công tác trong ngành Công an, lương tháng ổn định nhưng muốn kiếm thêm thu nhập để chi trả cuộc sống hàng ngày và Đ cũng muốn chị K có thêm thu nhập bằng cách chuyển tiền cho Đ để đầu tư, nếu lỗ thì Đ chịu, còn có lợi nhuận thì chị K được hưởng hết. Để tạo dựng thêm lòng tin, Đ chụp ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Đ tại phòng 0705, CT4, khu nhà ở xã hội cho Cán bộ chiến sỹ Bộ C3, tổ dân phố Đ, phường C, quận B, Hà Nội và đang công tác tại Bộ - Bộ C3.

Từ tháng 11/2021 đến tháng 6/2022, tin tưởng Đ, chị K đã chuyển cho Đ tổng số tiền là 3.978.812.000 đồng từ tài khoản V4 số 100001054229 của chị K đến tài khoản Ngân hàng T10 số 19033406852012 của Đ.

Sau khi nhận tiền, Đ đã sử dụng chính tiền của chị K và tiền của các bị hại khác (không xác định được, do cùng một thời điểm Đ nhận tiền của nhiều bị hại) chuyển trả cho chị K tổng số tiền là 3.470.600.000 đồng nói là tiền lợi nhuận. Sau đó, Đ không trả số tiền còn lại là **508.212.000 đồng** của chị K. Ngày 05/10/2023, chị K đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tường trình vụ việc, đề nghị Cơ quan điều tra xử lý Đ theo quy định của pháp luật.

3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Vũ Thị Đ đối với ông Nguyễn Đình Đỗ T1:

Tháng 3/2022, thông qua bà Nguyễn Thu H (là đồng hương cùng tỉnh Bắc Ninh với ông T1) giới thiệu, ông Nguyễn Đình Đỗ T1 (sinh năm 1975; trú tại N12-10 CT3, khu đô thị G, phường T, quận H, Hà Nội) quen biết Vũ Thị Đ. Quá trình quen biết,

Đỉnh chủ động liên hệ, đặt vấn đề rủ ông T1 góp vốn đầu tư bất động sản, Đ nói với ông T1 về việc tại đơn vị K01 (Bộ Tư lệnh cảnh vệ) - Bộ C3, nơi Đ đang công tác có một số lãnh đạo đơn vị và là cận vệ cấp cao của Bộ Tư lệnh cảnh vệ, có nhiều mối quan hệ rộng nên thường xuyên được mua các căn biệt thự, nhà ở, bất động sản thuộc dự án với giá gốc, ưu đãi, đối ngoại. Nếu nhất trí góp tiền đầu tư để mua, bán nhanh sẽ được chia lợi nhuận rất tốt. Các vụ đầu tư sẽ được tiến hành nhanh gọn, theo từng vụ việc cụ thể; thời gian đầu tư khá ngắn, có thể dao động từ 5, 7, 10 đến 20 ngày, lợi nhuận sẽ được dự toán và báo trước khi gom tiền căn cứ vào giá trị các bất động sản được ước định trên thực tế, sau đó các bên góp vốn sẽ được chia theo mỗi vụ mua bán bất động sản cụ thể.

Thấy bà H cũng góp vốn cùng Đ có lợi nhuận, tin tưởng Đ nên từ tháng 3 đến tháng 4/2022, ông T1 đã chuyển cho Đ tổng số tiền là 7.450.000.000 đồng bằng hình thức chuyển tiền từ tài khoản số 19037408793019 mở tại Ngân hàng T9 mang tên ông T1 đến tài khoản số 19033406852012 mở tại Ngân hàng T9 mang tên Đ. Sau khi nhận tiền, Đ đã sử dụng chính tiền của ông T1 và tiền của các bị hại khác (không xác định được, do cùng một thời điểm Đ nhận tiền của nhiều bị hại) chuyển trả cho ông T1 tổng số tiền là 4.155.000.000 đồng nói là tiền lợi nhuận, chiếm đoạt số tiền còn lại là 3.295.000.000 của ông T1. Từ cuối tháng 4/2022, Đ đưa ra nhiều lý do để không trả tiền cho ông T1 như: Mẹ ốm nặng nằm bệnh viện, đơn vị thanh tra kiểm tra tài chính, chuyển khoản nhầm số tài khoản ngân hàng, nhóm các chú các anh gom vốn đầu tư của đơn vị đi công tác chưa về, bản thân Đỉnh ốm đi nằm viện ... Đến tháng 6/2022, Đ thừa nhận với ông T1 rằng không có việc đầu tư bất động sản nào cả, Đ nói dối để lấy tiền của ông T1 trả nợ cho người khác và viết cho ông T1 một giấy vay tiền để đảm bảo số tiền chưa thanh toán còn lại. Qua trao đổi với bà Nguyễn Thu H, ông T1 mới biết Đ cũng không trả bà H số tiền đã đầu tư nên ngày 09/9/2022, ông T1 đã có đơn gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đề nghị điều tra xác minh làm rõ.

4. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Vũ Thị Đ đối với chị Đỗ Thị T2:

Từ năm 2019, Vũ Thị Đ quen biết với chị Đỗ Thị T2 (sinh năm 1982; trú tại phòng B, CT1, khu nhà ở xã hội cho Cán bộ chiến sỹ Bộ C3, tổ dân phố Đ, phường C, quận B, Hà Nội). Khoảng đầu tháng 9/2021, Đ chủ động liên hệ trao đổi với chị T2 về việc Đ đang huy động vốn đầu tư vào việc kinh doanh hoa quả tại vườn cùng Đ với giá gốc, mức vốn cố định là 100 triệu đồng và lợi nhuận cao. Đỉnh mời chị T2 tham đầu tư để hưởng lợi nhuận và hứa hẹn đảm bảo hoàn trả cả vốn và lợi nhuận cho chị T2. Số tiền tham gia đầu tư thì tùy theo khả năng tài chính và sẽ được lợi nhuận tương ứng. Chị T2 nghĩ Đ là người có kinh nghiệm kinh doanh trái cây nhiều năm và

đang công tác trong Ngành Công an nên tin tưởng chuyển tiền góp vốn đầu tư cho Đ. Sau đó, Đ lại đưa ra nhiều lý do đầu tư để dụ dỗ chị T2 đầu tư thêm như: Tiền đầu tư mua cả vườn hoa quả kịp rằm hay mừng 1 âm lịch, tiền đầu tư nhập lô thùng sữa gấp, tiền chạy điểm cho nhân viên của Đ tại Bộ tư lệnh cảnh vệ, tiền giúp mỗi sĩ làm ăn... Số tiền mỗi lần huy động cũng khác nhau, dao động khoảng vài triệu tới vài chục triệu đồng/lần, với lời hứa hẹn trả cả gốc lẫn lãi rất hấp dẫn, thời hạn thường chỉ vài ba ngày đến một tuần sẽ trả. Đỉnh luôn trả tiền cho chị T2 đúng hẹn với những khoản đầu tư nhỏ.

Tin tưởng những thông tin Đ đưa ra nên từ ngày 24/9/2021 đến tháng 4/2022, chị T2 đã chuyển cho Đ tổng số tiền là 3.895.020.000 đồng để đầu tư thông qua chuyển khoản từ tài khoản số 195382255 mở tại Ngân hàng V5, 0983004119 mở tại Ngân hàng M đều mang tên chị T2 đến tài khoản Ngân hàng T9 số 19033406852012 và Ngân hàng B số 26010000100978 đều mang tên Đỉnh thông qua việc ký Hợp đồng hợp tác đầu tư của chị T2 cho Đ. Sau khi nhận tiền, Đ đã sử dụng chính tiền của chị T2 và tiền của các bị hại khác (không xác định được, do cùng một thời điểm Đ nhận tiền của nhiều bị hại) chuyển trả cho chị T2 tổng số tiền là 3.539.900.000 đồng cũng thông qua hình thức chuyển khoản như đã nêu trên nói là tiền lợi nhuận để chị T2 tiếp tục chuyển tiền. Đến ngày 09/4/2022, Đ đưa ra nhiều lý do và không chuyển trả số tiền còn lại, chiếm đoạt của chị T2 355.120.000 đồng. Ngày 07/01/2024, chị T2 có đơn trình báo gửi Công an thành phố H đề nghị làm rõ hành vi của Vũ Thị Đ.

5. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Vũ Thị Đ đối với chị Đào Thu T3:

Khoảng năm 2019, thông qua việc mua hoa quả và thực phẩm hàng ngày tại khu nhà ở của Đ, Đ quen biết chị Đào Thu T3 (sinh năm 1990; trú tại phòng B, Tòa CT4, khu nhà ở xã hội cho Cán bộ chiến sỹ Bộ C3, tổ dân phố Đ, phường C, quận B, Hà Nội). Đến ngày 08/8/2022, Đ chủ động rủ chị T3 góp tiền kinh doanh hoa quả với số lượng lớn để bán buôn ngắn ngày, như góp 20.000.000 đồng thì cứ 5 ngày trả 1.000.000 đồng. Ngoài ra, Đ còn dụ dỗ chị T3 góp vốn kinh doanh bất động sản trong thời hạn ngắn, mấy hôm tiền về... Nếu góp tiền với Đ thì yên tâm, vì Đ vợ chồng Đ đều công tác trong ngành Công an.

Tin tưởng Đ đang công tác trong ngành Công an nên từ tháng 8 đến tháng 11/2022, chị T3 đã chuyển cho Đ tổng số tiền là 1.951.000.000 đồng để góp vốn kinh doanh hoa quả và bất động sản với Đ bằng hình thức chuyển tiền từ tài khoản số 102085997 mở tại Ngân hàng V5 mang tên chị T3 đến tài khoản số 26010000100798 mở tại Ngân hàng B mang tên Đ. Sau khi nhận tiền, Đ đã sử dụng chính tiền của chị T3 và tiền của các bị hại khác (không xác định được, do cùng một thời điểm Đ nhận tiền của nhiều bị hại) chuyển trả cho chị T3 tổng số tiền là 1.534.650.000 đồng cũng

thông qua hình thức chuyển khoản nêu trên. Đến tháng 11/2022, Đ lấy nhiều lý do như chưa lấy được tiền hàng, do mưa nên hàng không về, chuyển khoản internet banking bị lỗi... không trả số tiền còn lại, chiếm đoạt số tiền **416.350.000 đồng** còn lại của chị T3. Ngày 24/11/2023, chị T3 có đơn gửi Công an thành phố H tố giác Vũ Thị Đ về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

6. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Vũ Thị Đ đối với chị Hữu Thị Hiền L:

Năm 2021, thông qua việc kinh doanh buôn bán của Đ, Đ quen biết chị Hữu Thị Hiền L (sinh năm 1986; phòng 911, tầng I, tòa 27A2, Chung cư G, số B P, Phường C, quận B, Hà Nội) do chị L là khách hàng thường xuyên mua hàng của Đ. Khoảng đầu tháng 9/2022, Đ chủ động tiếp cận, dụ dỗ chị L góp vốn với Đ để đầu tư kinh doanh hoa quả tại vườn với giá gốc, mức vốn cố định là 100 triệu đồng và lãi suất 8 triệu đồng/tháng. Đỉnh cam kết đảm bảo cả vốn và lãi cho chị L. Số tiền tham gia đầu tư thì tùy theo khả năng tài chính, nhưng có mức lợi nhuận tương ứng như trên. Tin tưởng Đ nên ngày 19/9/2022, chị L đã đầu tư số tiền 25.000.000 đồng với mức lợi nhuận cố định là 2 triệu đồng/tháng. Ngay sau khi chị L đầu tư, Đ lại đưa ra nhiều gói đầu tư để dụ dỗ chị L đầu tư thêm như: Tiền đầu tư mua cả vườn hoa quả kịp rằm hay mừng 1 âm lịch, tiền đầu tư nhập lô thùng sữa gấp, tiền chạy điểm cho nhân viên của Đ tại Bộ tư lệnh cảnh vệ, tiền giúp mỗi sĩ làm ăn... Số tiền mỗi lần huy động cũng khác nhau, dao động khoảng vài triệu tới vài chục triệu đồng/lần, với lời hứa hẹn trả cả gốc lẫn lợi nhuận cao, thời hạn thường chỉ vài ba ngày đến một tuần sẽ trả. Thời gian 01 tháng đầu, Đ luôn trả tiền cho chị L đúng hẹn với những khoản đầu tư nhỏ.

Đến ngày 17/10/2022, mặc dù Đ đã xuất ngũ, không còn công tác tại Bộ - Bộ C3, nhưng Đ vẫn gửi cho chị L thông tin về việc Bộ Tư lệnh Cảnh vệ có các suất mua chung cư giá rẻ đang chào bán, cụ thể là dự án chung cư ở xã T, huyện G, Hà Nội. Nhiều người có nhu cầu mua nhà đang cần tiền gấp để đặt cọc giữ suất mua nên Đ đi huy động vốn để giúp những người này đặt cọc. Mỗi lần huy động từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 trong khoảng thời gian từ 3 ngày đến 1 tuần sẽ được lợi nhuận cao. Từ tháng 9 đến ngày 24/10/2022, tin tưởng Đ, chị L chuyển cho Đ tổng số tiền là 1.485.000.000 đồng bằng hình thức chuyển tiền từ 02 tài khoản số 0491001587935 mở tại Ngân hàng V4, 0986671319 mở tại Ngân hàng S2 đều mang tên chị L đến các tài khoản cá nhân của Đ trong đó có tài khoản Ngân hàng B số 26010000100978 mang tên Vũ Thị Đ.

Sau khi nhận tiền của chị L, Đ sử dụng chính tiền của chị L và tiền của các bị hại khác (không xác định được của bị hại nào, do cùng một thời điểm Đ nhận tiền của nhiều bị hại) để chuyển trả cho chị L nói là tiền lợi nhuận. Sau đó, Đ đưa ra nhiều lý

do gian dối như: Đi tập bắn súng để chuẩn bị đi thi, bố ở quê bị ngã cầu thang nên phải về quê chăm sóc, rồi bản thân Đ lại bị sốt xuất huyết, tài khoản ngân hàng bị treo dài hạn... để trì hoãn việc trả tiền cho chị L. Chị L tìm hiểu thì được biết Đ đã nghỉ việc từ trước thời điểm dụ dỗ chị L tham gia góp vốn đầu tư với Đ với lãi suất hấp dẫn, từ số tiền đầu tư từ ít đến nhiều, từ thanh toán sòng phẳng đến giãn dần tiến độ trả nợ. Tính đến ngày 21/01/2023, Đ đã trả cho chị L được tổng số tiền là 1.103.800.000 đồng nói là tiền lợi nhuận, chiếm đoạt số tiền 381.200.000 đồng.

Ngày 07/4/2023, chị L đã gửi đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N, Hà Nội tố giác Vũ Thị Đ có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sau khi xác minh đơn tố giác, Công an quận N đã khởi tố vụ án hình sự về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H để nhập vụ án, điều tra theo thẩm quyền. Sau khi gửi đơn, Đ đã khắc phục trả chị L số tiền 52.000.000 đồng.

7. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Vũ Thị Đ đối với chị Trần Thị X:

Từ năm 2020, chị Trần Thị X (sinh năm 1991; trú tại phòng A, tòa A, chung cư A, phường C, quận B, Hà Nội) thường xuyên đặt mua hoa quả online của Vũ Thị Đ qua mạng xã hội Facebook trên trang fanpage “Chợ cư dân trong khu chung cư” nên chị X quen biết với Đ. Ngày 22/11/2022, Đ chủ động nhắn tin rủ chị X chung vốn buôn bán hoa quả với số tiền là 50.000.000 đồng, Đ hứa hẹn sẽ chia lợi nhuận cho chị X là 5.000.000 đồng/tháng. Vì biết vợ chồng Đ là cán bộ trong ngành Công an, lại có hoạt động buôn bán thật trên mạng nên chị X đã tin tin tưởng và đồng ý góp vốn cùng Đ. Sau đó, Đ tiếp tục đưa ra các thông tin gian dối như: Tại cơ quan mà Đ đang công tác có các anh trên khối phòng hay đi cùng thủ trưởng, lãnh đạo đơn vị có nhiều mối quan hệ rộng, nên có nhiều mối được mua nhà và xe với giá ưu đãi, ưu tiên. Nếu gom tiền đầu tư để mua, bán nhanh sẽ được chia lợi nhuận cao rồi đặt vấn đề rủ chị X góp vốn cùng. Để tạo dựng thêm lòng tin, Đ còn chụp ảnh Giấy chứng minh Công an nhân dân mang tên Đ gửi cho chị X và gửi ảnh chụp các tin nhắn, sao kê thể hiện một số giao dịch ngân hàng với một số người khác đang cùng tham gia góp vốn với Đ, như bà Nguyễn Thu H, anh Trần Tiến C.

Tin tưởng Đ nên từ ngày 21/11/2022 đến ngày 13/12/2022, chị X đã chuyển cho Đ tổng số tiền là 2.479.000.000 đồng từ tài khoản số 70671379 mở tại Ngân hàng V5 mang tên chị X đến tài khoản số 0908884586 mở tại Ngân hàng M mang tên Vũ Thị Đ. Sau khi nhận tiền, từ ngày 23/11/2022 đến ngày 12/12/2022, Đ đã sử dụng chính tiền của chị X và tiền của các bị hại khác (không xác định được, do cùng một thời điểm Đ nhận tiền của nhiều bị hại) chuyển trả cho chị X tổng số tiền là 1.469.000.000 đồng cũng thông qua hình thức chuyển khoản nêu trên nói là tiền lợi nhuận. Sau đó,

Đ liên tục đưa ra các lý do để không trả lại tiền cho chị X như: Các anh trong đơn vị đang đi công tác ở Campuchia chưa về, chưa bán được, đang chờ môi giới chưa bán được nhà, bị chồng đánh, ... để trì hoãn việc trả số tiền 1.010.000.000 đồng.

Qua tìm hiểu, chị X biết được Đ đã huy động vốn của nhiều người trong đơn vị công tác trước đây và tại khu dân cư nơi Đ đang sinh sống sau đó không trả tiền cho những cá nhân này. Đ còn dọa mọi người nếu gửi đơn tố giác đến Cơ quan điều tra, các cá nhân này sẽ bị khởi tố về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên nhiều người không dám gửi đơn. Thời điểm chị X bị Đỉnh lừa đảo là thời điểm Công an thành phố H đang thụ lý đơn của bà Nguyễn Thu H tố giác Đ về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 26/7/2023, chị X có đơn trình báo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H yêu cầu xử lý đối với Vũ Thị Đ về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản số tiền 1.010.000.000 đồng.

8. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Vũ Thị Đ đối với chị Vũ Thị H1:

Khoảng năm 2019, thông qua việc mua hoa quả và thực phẩm hàng ngày của Vũ Thị Đ, chị Vũ Thị H1 (sinh năm 1993; trú tại phòng G, tòa CT1, khu nhà ở xã hội cho Cán bộ chiến sỹ Bộ C3, tổ dân phố Đ, phường C, quận B, Hà Nội) quen biết với Đ do thường xuyên đặt hoa quả của Đỉnh trên nhóm Chợ C4. Đến ngày 14/4/2023, Đ chủ động và rủ chị H1 góp tiền kinh doanh hoa quả với số lượng lớn để bán buôn ngắn ngày, một vài ngày bán xong là thu lại tiền gốc cùng tiền hoa hồng tùy vào vốn ít hay vốn nhiều. Để tạo dựng thêm lòng tin, mặc dù đã bị xuất ngũ, không còn công tác trong lực lượng Công an nhưng Đ vẫn nói với chị H1 về việc cả vợ chồng Đ đều công tác trong ngành Công an, lương tháng ổn định nhưng muốn kiếm thêm thu nhập để chi trả cuộc sống hàng ngày và Đ cũng muốn chị H1 có thêm thu nhập. Nếu góp tiền với Đ thì yên tâm, vì Đ không muốn việc kinh doanh làm ảnh hưởng đến công việc, danh dự và uy tín của Đ. Đồng thời, Đỉnh chụp ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có thông tin đăng ký cư trú của Đ tại phòng 0705, CT4, khu nhà ở xã hội cho Cán bộ chiến sỹ Bộ C3, tổ dân phố Đ, phường C, quận B, Hà Nội cùng Giấy chứng minh công an nhân dân mang tên Vũ Thị Đ. Tin tưởng những thông tin Đ đưa ra là thật, trong khoảng thời gian từ ngày 14/4/2023 đến ngày 26/4/2023, chị H1 đã chuyển cho Đ tổng số tiền là 1.380.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng T9 số 19034962584015 và tài khoản Ngân hàng V6 số 069704060047837 của chị H1 đến tài khoản Ngân hàng B số 26010000100798 mang tên Vũ Thị Đ để góp vốn kinh doanh hoa quả với Đ. Sau khi nhận tiền, Đ đã sử dụng chính tiền của chị H1 và tiền của các bị hại khác (không xác định được, do cùng một thời điểm Đ nhận tiền của nhiều bị hại) chuyển trả cho chị H1 tổng số tiền là 742.650.000 đồng nói là tiền lợi nhuận để chị H1 tiếp tục chuyển tiền. Từ ngày

28/4/2023, Đ đưa ra nhiều lý do như chưa lấy được tiền hàng, do mưa nên hàng không về, xe chở hàng bị bắt nên hàng hỏng, vườn quả bị thối hỏng, chuyển khoản internetbanking bị lỗi... để chiếm đoạt số tiền 637.350.000 đồng của chị H1.

Ngày 22/7/2023, chị H1 mới biết Đình đã bị tước danh hiệu Công an nhân dân từ năm 2022 và có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người dân dưới hình thức rủ góp vốn buôn bán hoa quả. Căn hộ 705, CT4, khu nhà ở xã hội cho Cán bộ chiến sỹ Bộ C3, tổ dân phố Đ, phường C, quận B, Hà Nội nơi Đình đang sinh sống cũng đã chuyển nhượng cho người khác. Ngày 24/7/2023, chị H1 gửi đơn tố giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H yêu cầu điều tra, làm rõ hành vi Lừa đảo chiếm đoạt số tiền số tiền 637.350.000 đồng của chị H1.

9. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Vũ Thị Đ đối với chị Đỗ Thu P:

Khoảng năm 2019, thông qua việc mua hoa quả và thực phẩm hàng ngày của Vũ Thị Đ tại khu nhà ở của Đ, Đ quen biết chị Đỗ Thu P (sinh năm 1991; trú tại phòng A, tòa CT2, chung cư T, phường C, quận B, Hà Nội). Đến khoảng tháng 5/2023, Đ chủ động giới thiệu với chị P rằng Đ đang bán buôn hàng container trái cây từ Hà Nội đi thành phố Hồ Chí Minh và xuất khẩu đi nước ngoài, rủ chị P góp tiền kinh doanh hoa quả với số lượng lớn để bán buôn ngắn ngày, một vài ngày bán xong là thu lại tiền gốc cùng tiền hoa hồng tùy vào vốn ít hay vốn nhiều. Để tạo dựng thêm lòng tin, mặc dù đã bị xuất ngũ, không còn công tác trong lực lượng Công an nhưng Đ vẫn nói với chị P về việc cả vợ chồng Đ đều công tác trong ngành Công an, lương tháng ổn định nhưng muốn kiếm thêm thu nhập để chi trả cuộc sống hàng ngày và Đ cũng muốn chị P có thêm thu nhập. Nếu góp tiền với Đ thì yên tâm, vì Đ không muốn việc kinh doanh làm ảnh hưởng đến công việc, danh dự và uy tín của Đ. Đồng thời, Đình chụp ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Đ tại phòng 0705, CT4, khu nhà ở xã hội cho Cán bộ chiến sỹ Bộ C3, tổ dân phố Đ, phường C, quận B, Hà Nội cùng Giấy chứng minh công an nhân dân mang tên Đ.

Trong thời gian từ ngày 16/5/2023 đến ngày 24/5/2023, tin tưởng Đ, chị P đã chuyển cho Đ tổng số tiền là 500.000.000 đồng từ tài khoản T9 số 19024446134016 của chị P đến tài khoản Ngân hàng B số 26010000100798 mang tên Vũ Thị Đ để góp vốn kinh doanh hoa quả với Đ. Sau khi nhận tiền, Đ đã sử dụng chính tiền của chị P và tiền của các bị hại khác (không xác định được, do cùng một thời điểm Đ nhận tiền của nhiều bị hại) chuyển trả cho chị P tổng số tiền là 357.000.000 đồng nói là tiền lợi nhuận để chị P tiếp tục chuyển tiền. Sau đó, Đ liên tục đưa ra nhiều lý do để không trả tiền cho chị P như: Chưa lấy được tiền hàng, do mưa nên hàng không về, chuyển

khoản internet banking bị lỗi, chiếm đoạt số tiền còn lại là 143.000.000 đồng của chị P.

Qua tìm hiểu, chị P được biết Đ dùng thủ đoạn tương tự để lừa đảo những cá nhân khác nên ngày 17/7/2023, chị P có đơn gửi Công an thành phố H tố giác Vũ Thị Đ có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 143.000.000 đồng của chị.

10. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Vũ Thị Đ đối với chị Lê Thị Mai P1:

Chị Lê Thị Mai P1 (sinh năm 1991; trú tại căn hộ B G, tổ dân phố H, Phường C, quận B, Hà Nội) chuyển đến sinh sống tại tòa G từ năm 2016. Đến năm 2019, chị P1 quen biết Vũ Thị Đ thông qua việc mua hoa quả và thực phẩm hàng ngày. Quá trình quen biết, khoảng tháng 11/2022, Đ chủ động rủ chị Mai P1 góp tiền kinh doanh hoa quả với số lượng lớn để bán buôn ngắn ngày, một vài ngày bán xong là thu lại tiền gốc và được trả hoa hồng tùy vào vốn ít hay vốn nhiều nhưng chị Mai P1 không đồng ý. Đến tháng 3/2023, Đ gặp trực tiếp chị Mai P1 và trình bày về hoàn cảnh khó khăn, phải nuôi 03 con nhỏ. Đỉnh nói cả vợ chồng Đ đều công tác trong ngành Công an, lương tháng không đủ chi trả cho cuộc sống hàng ngày nên muốn kiếm thêm thu nhập bằng việc kinh doanh hoa quả. Nhưng Đ đang thiếu vốn nên tiếp tục đặt vấn đề rủ chị Mai P1 góp vốn. Để tạo dựng thêm lòng tin, Đ chụp ảnh Giấy chứng minh công an nhân dân thể hiện Đỉnh đang công tác tại Bộ - Bộ C3. Thấy chị P1 không có nhu cầu kinh doanh nên Đ chuyển sang vay tiền của chị P1. thời gian này (khoảng đầu tháng 3/2023) chị Mai P1 có một khoản tiền không dùng đến nên đã cho Đ vay số tiền 100.000.000 đồng không thỏa thuận về lãi suất. Đến ngày 18/4/2023, Đ đã trả cho chị Mai P1 tổng số tiền là 115.000.000 đồng. Sau khi chuyển trả tiền cho chị Mai P1, Đ nói “*Đằng nào em cũng có tiền chưa dùng đến, em góp vốn kinh doanh hoa quả với chị đảm bảo có lợi nhuận*”. Tin tưởng lời Đ nói nên chị Mai P1 đã đồng ý góp vốn cùng với Đ để kinh doanh hoa quả.

Trong thời gian từ ngày 18/4/2023 đến 15/6/2023, chị Mai P1 đã góp vốn với Đ tổng số tiền 1.022.000.000 đồng thông qua chuyển khoản từ tài khoản số 19038725733011 mở tại Ngân hàng T9 đến 02 tài khoản số 19033406852012 mở tại Ngân hàng T9; 26010000100978 mở tại Ngân hàng B đều mang tên Đ.

Sau khi nhận tiền, Đ đã sử dụng chính tiền của chị Mai P1 và tiền của các bị hại khác (không xác định được, do cùng một thời điểm Đ nhận tiền của nhiều bị hại) chuyển trả cho chị Mai P1 tổng số tiền là 924.000.000 đồng nói là tiền lợi nhuận để chị Mai P1 tiếp tục chuyển tiền. Chị P1 yêu cầu Đ trả lại toàn bộ số tiền đã chuyển cho Đ nhưng Đ đưa ra nhiều lý do như chưa lấy được tiền hàng, do mưa nên hàng không về chuyển khoản internet banking bị lỗi, chiếm đoạt số tiền còn lại là

98.000.000 đồng nên ngày 03/8/2023, chị Mai P1 đến Công an thành phố H tường trình về việc bị Đ lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đề nghị Cơ quan điều tra, làm rõ.

11. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Vũ Thị Đ đối với chị Trần Thị Khánh V:

Năm 2021, thông qua việc mua hoa quả của Vũ Thị Đ, chị Trần Thị Khánh V (sinh năm 1981; trú tại Lô B, TT1, khu đô thị T, phường C, quận B, Hà Nội) quen biết với Đ. Sau một thời gian quen biết, Đ giới thiệu đang công tác tại Trung đoàn F, Bộ - Bộ C3, Đ nói bán hoa quả chỉ là nghề phụ để kiếm thêm thu nhập. Đến tháng 4/2023, Đ gặp và trao đổi với chị V về việc Đ huy động vốn đầu tư vào việc kinh doanh hoa quả tại vườn với giá gốc cùng Đ, mức vốn cố định là 100 triệu đồng và lợi nhuận cao. Đỉnh đã mời chị V tham gia đầu tư để hưởng lợi nhuận và Đ là người đảm bảo hoàn trả cả vốn và lợi nhuận. Số tiền tham gia đầu tư thì tùy theo khả năng tài chính và sẽ được lợi nhuận tương ứng. Chị V nghĩ Đ là người có kinh nghiệm kinh doanh trái cây nhiều năm và đang công tác trong ngành Công an nên tin tưởng chuyển tiền góp vốn đầu tư cho Đ. Từ ngày 30/4/2023 đến tháng 6/2023, chị V đã chuyển cho Đ tổng số tiền 460.000.000 đồng thông qua chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng T9 số 19020747528898 mang tên chị V chuyển đến tài khoản Ngân hàng B số 26010000100978 mang tên Đ.

Sau đó, Đ tiếp tục đưa ra nhiều lý do đầu tư để dụ dỗ chị V đầu tư thêm như: Tiền đầu tư mua cả vườn hoa quả kịp rằm hay mừng 1 âm lịch... Số tiền mỗi lần huy động cũng khác nhau, dao động khoảng vài triệu tới vài chục triệu đồng/lần, với lời hứa hẹn trả cả gốc lẫn lãi rất hấp dẫn, thời hạn thường chỉ vài ba ngày đến một tuần sẽ trả. Ban đầu, Đ luôn trả tiền cho chị V đúng hạn với những khoản đầu tư nhỏ.

Sau khi nhận tiền, Đ đã sử dụng chính tiền của chị V và tiền của các bị hại khác (không xác định được, do cùng một thời điểm Đ nhận tiền của nhiều bị hại) chuyển trả cho chị V tổng số tiền là 260.000.000 đồng cũng thông qua hình thức chuyển khoản như đã nêu trên nói là tiền lợi nhuận. Từ tháng 6/2023, Đ đưa ra nhiều lý do để không trả tiền cho chị Khánh V như đi tập bắn súng để chuẩn bị đi thi, bố ở quê bị ngã cầu thang nên phải về quê chăm sóc, Đ bị sốt xuất huyết, tài khoản ngân hàng bị treo dài hạn..., chiếm đoạt số tiền còn lại là 200.000.000 đồng. Ngày 25/3/2024, chị V có đơn tố cáo gửi Công an thành phố H tố giác Vũ Thị Đ có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

12. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Vũ Thị Đ đối với chị Triệu Thị H2:

Khoảng năm 2019, thông qua việc mua hoa quả và thực phẩm hàng ngày của Vũ Thị Đ, chị Triệu Thị H2 (sinh năm 1993; trú tại căn hộ B, A, chung cư A, tổ dân phố

H, phường C, quận B, Hà Nội) quen biết với Đ. Quá trình quen biết, ngày 16/3/2023, Đ chủ động rủ chị H2 góp tiền kinh doanh hoa quả với số lượng lớn để bán buôn ngắn ngày, một vài ngày bán xong là thu lại tiền gốc theo hình thức góp vốn, chị H2 sẽ được trả hoa hồng tùy vào vốn ít hay vốn nhiều, như góp 20.000.000 đồng, mỗi ngày sẽ được hưởng lợi nhuận 400.000 đồng/ngày..., khi nào chị H2 cần rút vốn về chỉ cần báo trước cho Đ là được. Ban đầu chị H2 không đồng ý thì Đ liên tục liên hệ và cam kết việc kinh doanh sẽ có lợi nhuận nên từ ngày 20/3/2023, chị H2 bắt đầu chuyển tiền góp vốn cho Đ. Thời gian đầu, Đ thực hiện như đúng cam kết, nhận và trả tiền cho chị H2 đúng hẹn, sau tăng dần số vốn góp lên 100.000.000 đồng, hẹn sau 01 tháng được hưởng 120.000.000 đồng và 50.000.000 đồng, hẹn sau 03 ngày được 60.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ ngày 05/5/2023, Đ không thực hiện theo cam kết mà trả một phần tiền cho chị H2 nói là tiền lợi nhuận. Từ ngày 20/3/2023 đến ngày 20/5/2023, tổng số tiền chị H2 chuyển cho Đ là 490.000.000 đồng bằng hình thức chuyển tiền từ tài khoản số 02536785901 mở tại Ngân hàng T11 mang tên chị H2 đến tài khoản số 26010000100978 mang tên Đ. Tổng số tiền Đ chuyển trả cho chị H2 là 284.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản như đã nêu trên. Đính đưa ra nhiều lý do như hàng hoá mưa bão không về được và nhiều lý do khác để không trả số tiền còn lại như đã hứa hẹn. Ngày 04/8/2023, chị H2 đến Công an thành phố H tường trình vụ việc và đề nghị điều tra, xử lý Vũ Thị Đ về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản chiếm đoạt số tiền 206.000.000 đồng của chị H2.

13. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Vũ Thị Đ đối với chị Bùi Thị T4:

Tháng 6/2023, thông qua việc bán thuốc tại cửa hàng thuốc ở số C, ngõ D, đường C, phường C, quận B, Hà Nội, chị Bùi Thị T4 (sinh năm 1998; trú tại Số C ngõ D C, phường C, quận B, Hà Nội) quen biết với Đ do thỉnh thoảng Đ mua thuốc tại cửa hàng của chị T4. Sau một thời gian quen biết, Đính chủ động rủ chị T4 góp tiền kinh doanh hoa quả với số lượng lớn để bán buôn ngắn ngày, một vài ngày bán xong là thu lại tiền gốc theo hình thức góp vốn sẽ được trả hoa hồng tùy vào vốn ít hay vốn nhiều. Để tạo dựng thêm lòng tin, Đ giới thiệu bản thân hiện đang công tác trong ngành Công an, kinh doanh hoa quả là nghề phụ, thấy chị H2 tốt nên rủ chị H2 góp vốn kinh doanh cùng để có thêm thu nhập. Đính cam kết và đảm bảo việc kinh doanh sẽ có lợi nhuận.

Tin tưởng Đ nên từ ngày 23/6/2023 đến ngày 03/7/2023, chị T4 đã chuyển cho Đ tổng số tiền là 210.800.000 đồng bằng hình thức chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng T9 số 19036481466011 mang tên chị T4 đến tài khoản Ngân hàng B số 26010000100978 mang tên Đ, mục đích để góp vốn kinh doanh hoa quả với Đ.

Sau khi nhận tiền, Đ đã sử dụng chính tiền của chị T4 và tiền của các bị hại khác (không xác định được, do cùng một thời điểm Đ nhận tiền của nhiều bị hại) chuyển trả cho chị T4 tổng số tiền là 79.000.000 đồng cũng thông qua hình thức chuyển khoản như đã nêu trên nói là tiền lợi nhuận. Từ ngày 28/6/2023, Đ đưa ra nhiều lý do và hứa hẹn sẽ bán ô tô của Đ, sẽ vay mượn lương ở cơ quan chồng Đ để trả chị T4 tiền nhưng đều không thực hiện. Ngày 31/7/2023, chị T4 biết năm 2022 Đ đã bị tước danh hiệu Công an nhân dân nên đã làm đơn tố giác Vũ Thị Đ có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản số tiền 131.800.000 đồng gửi Công an thành phố H đề nghị xử lý Đính theo quy định của pháp luật.

14. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Vũ Thị Đ đối với chị Nguyễn Thị T5:

Năm 2020, do dịch bệnh Covid 19 bùng phát, bị hạn chế đi lại nên chị Nguyễn Thị T5 (sinh năm 1986; trú tại nhà số A, ngách E, ngõ D, đường C, phường C, quận B, Hà Nội) thường xuyên mua nhu yếu phẩm như gạo, thực phẩm hàng ngày trên mạng xã hội nên quen biết Vũ Thị Đ. Sau một thời gian mua hàng, thấy Đ bán hàng uy tín và giới thiệu về việc cả vợ chồng Đ đều công tác trong ngành Công an, lương tháng ổn định nhưng muốn kiếm thêm thu nhập để chi trả cuộc sống hàng ngày nên kinh doanh thêm trên mạng xã hội. Đến cuối năm 2022, khi đã tạo dựng được lòng tin, Đ chủ động rủ chị T5 góp tiền kinh doanh hoa quả với số lượng lớn để bán buôn ngắn ngày, một vài ngày bán xong là thu lại tiền gốc, nhưng do chị T5 đang làm nhân viên văn phòng và đang nuôi con nhỏ, không có thời gian làm cùng Đ nên từ chối. Thấy vậy, Đ liên tục nhắn tin dụ dỗ, rủ chị T5 góp vốn cùng, Đ nói chỉ cần đưa tiền cho Đ, mọi việc để Đ xử lý, không phải suy nghĩ gì và hứa hẹn sẽ chia cho chị T5 thêm 10%/tổng số tiền góp vốn. Để tạo dựng thêm lòng tin, Đ chụp ảnh căn cước công dân thể hiện Đ đang cư trú tại phòng 0705, CT4, khu nhà ở xã hội cho Cán bộ chiến sỹ Bộ C3, tổ dân phố Đ, phường C, quận B, Hà Nội và Giấy chứng minh công an nhân dân thể hiện Đ hiện công tác tại Bộ - Bộ C3.

Đến tháng 01/2023, do dịch bệnh, chị T5 nghỉ làm ở nhà, tin tưởng những thông tin Đ đưa ra nên đã đồng ý góp vốn kinh doanh hoa quả cùng Đ. Trong thời gian từ ngày 02/01/2023 đến ngày 20/02/2023, chị T5 đã chuyển cho Đ tổng số tiền là 1.700.350.000 đồng bằng hình thức chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng T9 số 19035025154011 của chị T5 đến 02 tài khoản số 19024446134016 mở tại Ngân hàng T9 và 0908884586 mở tại Ngân hàng M đều mang tên Đ.

Sau khi nhận tiền, Đ đã sử dụng chính tiền của chị T5 và tiền của các bị hại khác (không xác định được, do cùng một thời điểm Đ nhận tiền của nhiều bị hại) chuyển trả cho chị T5 tổng số tiền là 1.199.000.000 đồng cũng thông qua hình thức chuyển

khoản như đã nêu trên nói là tiền lợi nhuận, chiếm đoạt số tiền còn lại là 501.350.000 đồng nên ngày 11/6/2024 chị T5 đến Công an thành phố H tường trình sự việc và yêu cầu Cơ quan điều tra xử lý Đinh theo quy định của pháp luật.

Tổng số tiền Đ đã chiếm đoạt được của 14 bị hại trên là **9.233.337.000 đồng**.

Ngày 16/11/2023, Vũ Thị Đ bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố H ra lệnh bắt bị can để tạm giam.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ các đồ vật, tài sản sau:

- Thu giữ của bị can Vũ Thị Đ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, màu xanh, số IMEI: 355178633805093, lắp 02 sim số: 0988071525 và 0908884586, đã qua sử dụng.

- Thu giữ của 14 bị hại các tài liệu là các đoạn tin nhắn qua mạng xã hội Facebook, Z, sao kê tài khoản Ngân hàng... thể hiện việc Đ rủ các bị hại tham gia đầu tư, số tiền giao dịch với Đ, lý do Đ đưa ra để không trả tiền cho các bị hại.

- Thu giữ của bà Nguyễn Thu H:

- + 01 giấy cho vay tiền đề ngày 09/01/2022, nội dung: “*Vũ Thị Đ vay số tiền 890.000.000 đồng của chị Nguyễn Thu H để kinh doanh. Khi nào chị H cần số tiền trên, Đinh có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ cho chị H, có chữ ký, chữ viết tên Vũ Thị Đ*”.

- + 01 giấy vay tiền đề ngày 22/4/2022, nội dung: “*Vũ Thị Đ vay số tiền 3.300.000.000 đồng của chị Nguyễn Thu H để kinh doanh hợp pháp. Cam đoan đến ngày 25/5/2022 sẽ hoàn trả một phần như đã thoả thuận cho chị H, có chữ ký, chữ viết tên Vũ Thị Đ*”.

- Thu giữ của ông Nguyễn Đình Đỗ T1:

- + 01 giấy vay tiền đề ngày 22/4/2022, nội dung: “*Vũ Thị Đ vay số tiền 3.200.000.000 đồng của ông Nguyễn Đình Đỗ T1 để đầu tư kinh doanh hợp pháp. Cam đoan đến ngày 30/6/2022 sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền trên cho ông T1, có chữ ký, chữ viết tên Vũ Thị Đ*”.

Tại bản Kết luận giám định số 7129/GĐ-TTPY ngày 13/10/2022 của phòng K2- C5 giám định đối với chữ ký, chữ viết trên 03 Giấy vay tiền, Giấy cho vay tiền do chị H cung cấp so với chữ ký, chữ viết của Đ kết luận: “Chữ viết, chữ ký đứng tên Vũ Thị Đ trên 01 Giấy cho vay tiền (thể hiện Đinh vay của chị H số tiền là 890.000.000 đồng) và 01 Giấy vay tiền (thể hiện Đinh vay của chị H số tiền là 3.300.000.000 đồng) với chữ viết, chữ ký đứng tên Vũ Thị Đ là chữ do cùng một người viết và ký ra”.

Tại bản Kết luận giám định số 8180/KL-KTHS ngày 07/12/2022 của phòng K2 - Công an thành phố H giám định đối với chữ viết, chữ ký trên Giấy vay tiền do ông T1 cung cấp so với chữ viết, chữ ký của Đ kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Vũ Thị Đ trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) với chữ viết, chữ ký đứng tên Vũ Thị Đ trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M4) là chữ do cùng một người viết và ký ra.

Tại bản Kết luận giám định số 2664/KL-KTHS của V7- Bộ C3 về phục hồi toàn bộ tin nhắn, tài liệu có liên quan được lưu giữ trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, màu xanh, số IMEI: 355178633805093 thu giữ của Vũ Thị Đ kết luận: Trích xuất và phục hồi được 12870 tin nhắn ứng dụng Zalo giữa tài khoản đăng ký bằng số điện thoại 0908884586 với các tài khoản đăng ký bằng các số điện thoại: 0929599669, 0941216266, 035628399, 0911345687, 0977038333, 0989690222. (Chi tiết thể hiện trong đĩa CD kèm theo).

Tại Cơ quan điều tra, Đ thừa nhận bản thân có hành vi gian dối hứa hẹn sử dụng tiền của 14 bị hại trên để đầu tư hoa quả, kinh doanh bất động sản. Sau khi nhận tiền, Đ không thực hiện việc đầu tư như đã hứa hẹn mà dùng số tiền đã nhận để trả nợ cho người Đỉnh đã vay trước đó, trả một phần tiền cho các bị hại nói là tiền lãi từ việc kinh doanh trên là sai, vi phạm pháp luật.

Ngoài ra, bằng thủ đoạn phạm tội nêu trên, Đ còn nhận tiền của các chị gồm: Đỗ Thị H3 (sinh năm 1997; trú tại P, CT3A, M, tòa nhà M, phường K, quận H, Hà Nội); Trịnh Thị Minh H4 (sinh năm 1976; trú tại số nhà A, ngách B, ngõ D, đường C, tổ dân phố Đ, phường C, quận B, Hà Nội); Trần Thị Kim V2 (sinh năm 1970; trú tại số nhà C, ngõ A, đường C, phường C, quận B, Hà Nội và vay tiền cá nhân của các chị gồm: Tô Thị Minh H5 (sinh năm 1986; trú tại P.2101, tòa CT4, khu nhà ở xã hội cho Cán bộ chiến sỹ Bộ C3, tổ dân phố Đ, phường C, quận B, Hà Nội); Đỉnh Minh H6 (sinh năm 1987; trú tại P.421, tòa HHA, khu nhà ở xã hội cho Cán bộ chiến sỹ Bộ C3, tổ dân phố Đ, phường C, quận B, Hà Nội) nhưng đến năm 2023, Đ đã thanh toán toàn bộ tiền gốc cho nhưng người trên. Hiện Đ không còn nợ tiền gì của các cá nhân trên. Các cá nhân này không có yêu cầu, đề nghị gì nên không xem xét xử lý.

Trong số những người Đỉnh trả nợ, có nhiều cá nhân được Đỉnh trả bằng số tiền hoặc lớn hơn số tiền đã đầu tư gồm: Anh Vũ Văn H7 (sinh năm 1994; trú tại số nhà A, phố Q, phường Q, quận B, Hà Nội); chị Vương Hải Y (sinh năm 1981; trú tại phòng H, tòa CT4, khu nhà ở xã hội cho Cán bộ chiến sỹ Bộ C3, Tổ dân phố Đ, phường C, quận B, Hà Nội); bà Nguyễn Thị L1 (sinh năm 1979; trú tại tổ A, ấp E, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai); anh Nguyễn Minh K1 (sinh năm 1992; trú tại tổ dân phố Đ, phường C, quận B, Hà Nội); chị Lương Hải L2 (sinh năm 1988; trú tại đóc P, thôn

A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng); anh Nguyễn Đức L3 (sinh năm 1990; trú tại số nhà F, phố T, phường T, quận H, Hà Nội); anh Dương Bá H8 (sinh năm 1994; trú tại số nhà A, ngõ F, phố H, phường K, quận T, Hà Nội); chị Đàm Thị Y1 (sinh năm 1987; trú tại phòng 1805, tòa CT4, khu nhà ở xã hội cho Cán bộ chiến sỹ Bộ C3, tổ dân phố Đ, phường C, quận B, Hà Nội); anh Nguyễn Tiến C1 (sinh năm 1989; trú tại số nhà U L, khu đô thị Đ, phường Y, quận H, Hà Nội); chị Lương Hải L2 (sinh năm 1988; trú tại dốc P, thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng).

- Tổng số tiền anh Vũ Văn H7 đã góp vốn với Đ là 18.373.217.800 đồng. Tổng số tiền Đ chuyển trả cho anh H7 khoảng 19.910.100.000 đồng. Anh H7 được trả phần tiền lợi nhuận là 969.882.200 đồng.

- Tổng số tiền chị Vương Hải Y góp vốn với Đ là 1.700.000.000 đồng. Tổng số tiền Đ đã chuyển trả cho chị Y là 1.610.000.000 đồng đồng thời bán cho chị Y căn hộ 0705, CT4, Khu nhà ở xã hội cho Cán bộ chiến sỹ Bộ C3, Tổ dân phố Đ, phường C, quận B, Hà Nội Đình của Đ để khấu trừ vào khoản tiền chị Y đã góp vốn. Chị Y được trả chênh lệch số tiền khoảng 300.000.000 đồng.

- Tổng số tiền bà Nguyễn Thị L1 đã góp vốn với Đình 47.836.399.962 đồng. Tổng số tiền Đ chuyển trả cho bà L1 là 48.649.000.000 đồng. Bà L1 được trả tiền chênh lệch là 812.600.038 đồng.

- Tổng số tiền anh Nguyễn Minh K1 đã góp vốn với Đ là 9.373.178.000 đồng. Tổng số tiền Đ chuyển trả cho anh K1 là 10.334.490.000 đồng. Anh K1 được trả lợi nhuận là 961.312.000 đồng.

- Tổng số tiền anh Nguyễn Đức L3 chuyển cho Đ để đầu tư là 5.180.150.000 đồng. Tổng số tiền Đ chuyển trả cho anh L3 là 6.912.300.000 đồng. Anh L3 được trả tiền lợi nhuận là 1.732.150.000 đồng.

- Tổng số tiền anh Dương Bá H8 chuyển cho Đ để đầu tư là 4.689.490.000 đồng. Tổng số tiền Đ chuyển trả cho anh H8 là 4.786.441.000 đồng. Anh H8 được trả tiền lợi nhuận là 96.951.000 đồng.

- Tổng số tiền chị Đàm Thị Y1 chuyển cho Đ để đầu tư là 1.241.000.000 đồng. Tổng số tiền Đ chuyển trả cho chị Y1 là 1.604.000.000 đồng. Chị Y1 được trả tiền lợi nhuận là 363.000.000 đồng.

- Anh Nguyễn Tiến C1 đã được Đ trả đủ số tiền là 45.542.000.000 đồng anh C1 đã đầu tư.

- Tổng số tiền chị Lương Hải L2 chuyển cho Đ là 19.295.783.420 đồng. Tổng số tiền Đ chuyển lại cho chị L2 là 22.242.304.999 đồng. Chị L2 được Đ chuyển tiền chênh lệch là 2.946.521.579 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Đ khai nhận trong số tiền chuyển trả chênh hơn cho chị L2 thì có một phần là tiền Đỉnh vay của chị L2 dưới hình thức “bóc bát họ”, nhưng Đ không có tài liệu chứng minh, cũng không nhớ rõ số tiền vay cụ thể và lãi suất nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xác minh.

Tại Cơ quan điều tra, các cá nhân gồm: Anh Vũ Văn H7, chị Vương Hải Y, anh Nguyễn Minh K1, anh Nguyễn Đức L3, anh Dương Bá H8, chị Đàm Thị Y1, bà Nguyễn Thị L1 trình bày phù hợp với nội dung vụ án, phù hợp về việc giao dịch chuyển tiền, phù hợp với sao kê tài khoản của Đ. Đối với số tiền lợi nhuận Đỉnh trả, các cá nhân trên khẳng định là tiền lợi nhuận do Đ tự đưa ra, ngay thẳng, các anh chị trên không biết nguồn gốc nên các cá nhân trên đương nhiên được hưởng nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chị Lương Hải L2: Quá trình điều tra xác định Đ và chị L2 là đối tác kinh doanh của nhau, Đ chuyển chênh hơn số tiền chị L2 chuyển là 2.946.521.579 đồng là tiền để nhập hàng hóa. Tài liệu điều tra không xác định được chị L2 cho Đ vay tiền bằng hình thức “bóc bát họ” nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với bà Nguyễn Thị Tường V1: Quá trình điều tra xác định Đ góp vốn cùng bà V1 đầu tư bất động sản từ năm 2007 với số tiền khoảng 8.000.000.000 đồng, đến năm 2021 thì thua lỗ. Trong đó, Đ lỗ khoảng 1.300.000.000 đồng, Đ nói với bà V1 số tiền trên là do Đ đi vay lãi cao nên phải bán gấp các tài sản đã đầu tư để trả tiền lãi. Bà V1 không biết Đ vay tiền của ai, trả lãi như thế nào. Đến nay, bà V1 và Đ không còn nợ tiền nhau nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Hoàng Minh Q (chồng cũ của Đ; nguyên là cán bộ công tác tại Trung đoàn 600- Bộ Tư lệnh Cảnh vệ): Anh Q đã xuất ngũ ngày 15/8/2023, khai: Quá trình chung sống, Đ buôn bán hoa quả và một số mặt hàng thực phẩm thiết yếu trên mạng xã hội, lợi nhuận, mỗi tháng từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, anh Q có giúp Đ chuyển hàng cho khách. Anh Q và Đ chỉ có tài sản chung là căn hộ số 0705, CT4, khu nhà ở xã hội cho Cán bộ chiến sỹ Bộ C3, tổ dân phố Đ, phường C, quận B, Hà Nội nhưng do Đ nợ tiền của nhiều người nên vợ chồng anh Q đã bán căn hộ trên vào khoảng tháng 6/2022 để trả nợ cho Đ. Ngoài ra, vợ chồng anh Q không còn tài sản nào khác. Hiện nay, anh Q đã ly hôn Đ và nhận nuôi 03 con do Đ không có nghề nghiệp ổn định. Quá trình chung sống, anh Q không biết việc Đ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người cho đến khi ông T1, bà H6 và những cá nhân khác tìm đến nhà đòi tiền. Anh Q đã đứng ra xin giúp Đ để Đ có thời gian trả dần. Đỉnh không cho anh Q bất cứ đồ vật, tài sản hay tiền bạc gì nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Lời khai của Đ phù hợp với lời khai của các bị hại, những người liên quan, sao kê tài khoản, tin nhắn zalo và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Trách nhiệm dân sự:

- Bà Nguyễn Thu H yêu cầu Đ bồi thường số tiền 1.220.155.000 đồng, do số tiền mà chị H chuyển cho Đ để đầu tư là tiền chị H vay mượn mà có nên phải trả tiền lãi.

- Chị Phạm Thị K yêu cầu Đ bồi thường số tiền 508.212.000 đồng.

- Ông Nguyễn Đình Đỗ T1 yêu cầu Đ bồi thường số tiền 3.295.000.000 đồng.

- Chị Đỗ Thị T2 yêu cầu Đ bồi thường số tiền 355.120.000 đồng.

- Chị Đào Thu T3 yêu cầu Đ bồi thường số tiền 406.350.000 đồng.

- Chị Hữu Thị Hiền L yêu cầu Đ bồi thường số tiền 463.000.000 đồng, do Đ đã khắc phục được số tiền là 52.000.000 đồng cho chị L.

- Chị Trần Thị X yêu cầu Đ bồi thường số tiền 710.000.000 đồng do chồng Đ là anh Hoàng Minh Q đã thay mặt Đ bồi thường cho chị X số tiền 300.000.000 đồng.

- Chị Vũ Thị H1 yêu cầu Đ bồi thường số tiền 637.350.000 đồng.

- Chị Đỗ Thu P yêu cầu Đ bồi thường số tiền 143.000.000 đồng.

- Chị Lê Thị Mai P1 yêu cầu Đ bồi thường số tiền 98.000.000 đồng.

- Chị Trần Thị Khánh V yêu cầu Đ bồi thường số tiền 200.000.000 đồng.

- Chị Triệu Thị H2 yêu cầu Đ bồi thường số tiền 206.000.000 đồng.

- Chị Bùi Thị T4 yêu cầu Đ bồi thường số tiền 131.800.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị T5 yêu cầu Đ bồi thường số tiền 501.350.000 đồng.

Cáo trạng số: 513/CT-VKSHN-P2 ngày 03/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Vũ Thị Đ về tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo a Khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội như khai tại cơ quan điều tra.

Các bị hại có mặt giữ nguyên lời khai đã trình bày tại cơ quan điều tra, yêu cầu bị cáo trả số tiền như Cáo trạng nêu, riêng chị Phạm Thị K không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 508.212.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm a Khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tội danh: Bị cáo Vũ Thị Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Hình phạt: Phạt bị cáo Vũ Thị Đ từ 16 năm tù đến 18 năm tù.

Về dân sự: Buộc bị cáo bồi thường số tiền chiếm đoạt của các bị hại, (bị cáo không phải bồi thường dân sự cho chị Phạm Thị K, do chị K không yêu cầu giải quyết)

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thị Đ có ý kiến: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, hoàn trả cho bị hại một phần tiền, bị cáo có thành tích được tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang, chiến sỹ thi đua, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b,s,v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cho bị cáo hưởng mức án khởi điểm theo đề nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đó thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về tội danh và hình phạt áp dụng với các bị cáo:

Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vũ Thị Đ (nguyên là cán bộ công tác tại Trung đoàn F, Bộ - Bộ C3), do vi phạm kỷ luật công tác, Đ bị kỷ luật cảnh cáo và xuất ngũ ngày 15/8/2022. Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2021 đến tháng 6/2023, để có tiền trả các khoản nợ ngân hàng và của những người khác do việc kinh doanh thua lỗ, Đ đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của nhiều người bằng hình thức dụ dỗ các bị hại góp vốn buôn bán hoa quả với số lượng lớn, buôn hàng container xuất khẩu đi nước ngoài và xuất đi thành phố Hồ Chí Minh (lợi nhuận 8% trên tổng số tiền góp vốn); góp vốn cùng Đ buôn bán bất động sản như biệt thự, nhà ở, đất chia lô với giá ưu đãi của các cán bộ cấp cao của Cơ quan nơi Đinh công tác, mua dự án chung cư ở xã T, huyện G, Hà Nội của Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, ... (lợi nhuận từ 5% đến 25% trên tổng số tiền góp vốn). Sau khi nhận

nhận tiền của các bị hại, Đ lấy chính tiền của họ trả một phần cho các bị hại nói là tiền lãi do việc kinh doanh trên có được và trả nợ cho các cá nhân khác đã nợ trước đó. Bằng phương thức và thủ đoạn nêu trên, Đ đã chiếm đoạt được tổng số tiền 9.103.537.000 đồng của 14 bị hại. Trong đó, chiếm đoạt của bà Nguyễn Thu H 1.220.155.000 đồng, chị Phạm Thị K 508.212.000 đồng, ông Nguyễn Đình Đỗ T1 3.295.000.000 đồng, chị Đỗ Thị T2 355.120.000 đồng, chị Đào Thu T3 416.350.000 đồng, chị Hữu Thị Hiền L 381.200.000 đồng, chị Trần Thị X 1.085.000.000 đồng, chị Vũ Thị H1 637.350.000 đồng, chị Đỗ Thu P 143.000.000 đồng, chị Lê Thị Mai P1 98.000.000 đồng, chị Trần Thị Khánh V 200.000.000 đồng, chị Triệu Thị H2 206.000.000 đồng, chị Bùi Thị T4 131.800.000 đồng, chị Nguyễn Thị T5 501.350.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội, bị cáo chiếm đoạt số tiền rất lớn (đến nay chưa khắc phục). Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo đã cấu thành tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, VKSND.TP Hà Nội truy tố bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét:

Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, chiếm đoạt của nhiều người (14 người) với số tiền rất lớn là 9.103.537.000 đồng đến nay chưa khắc phục nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng phạm tội từ 2 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo được Nhà nước tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang, Chiến sỹ thi đua, đã bồi thường cho bị hại nhưng ít không đáng kể so với tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt, bị cáo lần đầu phạm tội nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, nên được áp dụng điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt.

Bị cáo chiếm đoạt của các bị hại với tổng số tiền 9.103.537.000 đồng đến nay khắc phục rất ít không đáng kể nên cần phải có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo.

[2.2] Các vấn đề khác:

Về nghĩa vụ hoàn trả: Bị cáo chiếm đoạt của 14 bị hại đến nay chưa trả tại phiên tòa bị cáo và bị hại đều thống nhất số tiền bị cáo còn nợ bị hại theo như Cáo trạng nêu, vì vậy bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn trả. Tại phiên tòa chị Phạm Thị K trình bày đối với khoản tiền bị cáo chiếm đoạt của chị K số tiền 508.212.000đ chị K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết, nếu sau này chị K có đơn đề nghị thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Do bị cáo có hành vi gian dối lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại không phải là giao dịch dân sự nên không phát sinh lãi. Như vậy bị cáo có nghĩa vụ trả tiền cho các bị hại gồm:

- Bị cáo có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thu H số tiền 1.220.155.000 đồng, trả ông Nguyễn Đình Đỗ T1 số tiền 3.295.000.000 đồng, trả chị Đỗ Thị T2 số tiền 355.120.000 đồng, trả chị Đào Thu T3 số tiền 406.350.000 đồng, trả chị Hữu Thị Hiền L số tiền 411.000.000 đồng, trả chị Trần Thị X số tiền 410.000.000, trả chị Vũ Thị H1 số tiền 637.350.000 đồng, trả chị Đỗ Thu P số tiền 143.000.000 đồng, trả chị Lê Thị Mai P1 số tiền 98.000.000 đồng, trả chị Trần Thị Khánh V số tiền 200.000.000 đồng, trả chị Triệu Thị Hằng S tiền 206.000.000 đồng, trả chị Bùi Thị T4 số tiền 131.800.000 đồng, trả chị Nguyễn Thị T5 số tiền 501.350.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo tuyên có tội và phải bồi thường dân sự nên phải chịu án phí theo qui định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. **Căn cứ:** Điểm a Khoản 4 Điều 174; Điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

[2]. **Tuyên bố:** Bị cáo Vũ Thị Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Phạt: Bị cáo Vũ Thị Đ 17 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2023.

[3]. **Các biện pháp tư pháp:** Căn cứ Điều 46, 48 Bộ luật hình sự

Bị cáo Vũ Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bị hại gồm:

Trả bà Nguyễn Thu H số tiền 1.220.155.000 đồng;

Trả ông Nguyễn Đình Đỗ T1 số tiền 3.295.000.000 đồng;

Trả chị Đỗ Thị T2 số tiền 355.120.000 đồng

Trả chị Đào Thu T3 số tiền 406.350.000 đồng;

Trả chị Hữu Thị Hiền L số tiền 411.000.000 đồng;

Trả chị Trần Thị X số tiền 410.000.000 đồng;

Trả chị Vũ Thị H1 số tiền 637.350.000 đồng;

Trả chị Đỗ Thu P số tiền 143.000.000 đồng;

Trả chị Lê Thị Mai P1 số tiền 98.000.000 đồng;
Trả chị Trần Thị Khánh V số tiền 200.000.000 đồng;
Trả chị Triệu Thị Hằng S tiền 206.000.000 đồng;
Trả chị Bùi Thị T4 số tiền 131.800.000 đồng;
Trả chị Nguyễn Thị T5 số tiền 501.350.000 đồng.

Kể từ ngày người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Dành quyền khởi kiện một vụ án dân sự khác cho chị Phạm Thị K để khởi kiện đòi số tiền 508.212.000đ đồng đối với bị cáo Vũ Thị Đ.

[4]. **Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, 3 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 116.015.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội (P2);
- Công an TP. Hà Nội;
- Cục T.H.A DS TP. Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Thị Thu Thủy

